



Thứ năm, ngày 28 tháng 6 năm 2018

Vietnam Daily Review

Thị trường ẩm đạm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/6/2018		•	
Tuần 25/6-29/6/2018		•	
Tháng 6/2018		•	

Điểm nhấn

- Phiên giao dịch hôm nay chứng kiến chỉ số giằng co mạnh.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+3.41 điểm); YEG (+0.19 điểm); SBT (+0.07 điểm); NVL (+0.03 điểm); SII (+0.02 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-2.33 điểm); GAS (-1.78 điểm); BID (-0.98 điểm); VRE (-0.97 điểm); CTG (-0.84 điểm); MSN (-0.75 điểm)
- Các cổ phiếu lớn đều giảm điểm, ngoài VIC là điểm sáng của toàn thị trường.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,337.7 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 21.66 điểm. Thị trường có 84 mã tăng và 208 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 11.56 điểm, đóng cửa tại 957.35 điểm. Đồng thời, HNX-Index giảm 2.6 điểm xuống 107.06 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 19.77 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã YEG (61 tỷ), DXG (35.1 tỷ) và BMP (34.9 tỷ). Đồng thời, họ cũng mua ròng 14.48 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Mở đầu phiên giao dịch, chỉ số chạm mức xanh nhẹ nhưng ngay sau đó, lực bán áp đảo khiến thị trường quay đầu. Phần lớn thời gian giao dịch chứng kiến sự giằng co của chỉ số, tuy nhiên, lực cầu vẫn yếu. Ngoài VIC là điểm sáng của toàn thị trường, hầu hết các nhóm cổ phiếu lớn đều giảm điểm, gây áp lực mạnh lên thị trường. BSC nhận định cần thêm thời gian và động lực rõ ràng hơn để dòng tiền quay trở lại. Trong bối cảnh hiện nay, nhà đầu tư cần theo dõi thêm và không sử dụng margin trong danh mục.

Phân tích kỹ thuật: SBT_ Tạo đáy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX 968.91

Giá trị: 3337.7 tỷ **-14.11 (-1.44%)**

Khối ngoại (ròng): 16.1 tỷ

HNX-INDEX 109.66

Giá trị: 526.13 tỷ **-1.26 (-1.14%)**

Khối ngoại (ròng): 14.48 tỷ

UPCOM-INDEX 51.96

Giá trị: 171.9 tỷ **-0.19 (-0.36%)**

Khối ngoại(ròng): 11.85 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	70.7	0.23%
Giá vàng	1,257	-0.19%
Tỷ giá USD/VND	22,937	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,696	-0.32%
Tỷ giá JPY/VND	20,887	0.19%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	-
LS TPCP 5 năm	3.6%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DXG	35.0	VIC	55.8
BMP	35.0	MSN	35.5
VCB	18.3	VNM	19.8
GAS	11.3	HDB	12.2
AAA	9.0	CTG	12.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

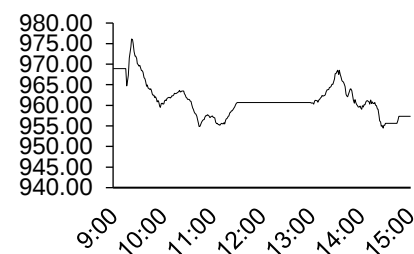
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HPG	7.4	38.9	38	42	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VPB	7.0	29.5	28	34	MUA	Giảm giá kéo dài
VIC	5.6	107.5	97	113	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VCB	5.4	57.9	54	60	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
NVL	3.6	50.7	49	55	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	3.5	166.1	155	178	MUA	Giảm giá kéo dài
MWC	3.3	114.7	110	123	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
PVS	2.7	17.4	15	18	NGỪNG MUA	Tăng giá ngắn hạn
SBT	1.9	16.0	14	17	MUA	Tăng giá ngắn hạn
STB	1.9	11.6	11	12	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Trần Thành Hưng

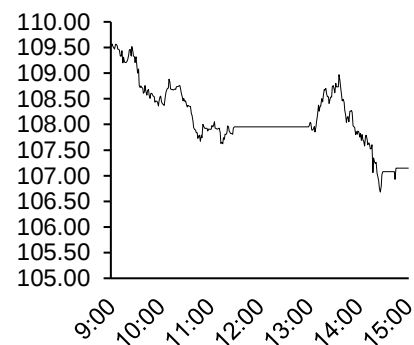
hungtt@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1807	945.0	-2.4%	10.1%
VN30F1808	949.5	-1.5%	-52.0%
VN30F1809	950.0	-1.7%	-48.6%
VN30F1812	954.9	-1.6%	-51.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	125	1.3	1.4
KDC	34	2.4	0.2
NVL	51	0.2	0.1
CTD	156	0.5	0.1
GAS	90	0.2	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	40	-4	-4.1
MSN	81	-2	-1.3
MBB	27	-2	-1.2
SSI	30	-5	-1.1
VJC	171	-1	-1.1

Phân tích kỹ thuật

SBT_ Tạo đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Tiếp cận mức 0 và nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Hồi phục về trung lập
- Khối lượng giao dịch: tăng 70% so thanh khoản bình quân 20 phiên

Nhận định: SBT sau khi gãy khỏi nền giá 17 đã có sự phục hồi và tích lũy ngắn hạn trên nền giá 15.5-16. Thanh khoản hiện tại đã cạn kiệt so với những phiên bị gãy nền giá vào giữa tháng 5 cho thấy sự đồng thuận của thị trường về vùng giá 15.5-16 này. Điều này cho thấy SBT đang ở vùng đáy. SBT có 2 ngưỡng kháng cự mạnh gồm 16.5 và 17.5 cần vượt qua và tích lũy trước khi tạo nên một xu hướng mới. Nhà đầu tư có thể giải ngân một phần nhỏ của danh mục nhằm dò xu thế của cổ phiếu này nếu SBT vượt qua ngưỡng 16.5 với thanh khoản cao hơn 100% so với trung bình 20 phiên (khoảng 3 triệu cổ phiếu khớp lệnh).



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
Trung bình							
Nguồn: BSC Research							

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	26.50	92.0%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	38.85	52.5%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	59.60	42.2%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	31.1	30.60	-1.7%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	32.00	-12.9%	30.0	50.0
Trung bình					34.4%		
Nguồn: BSC Research							

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	15.2	36.9%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	27.9	-6.1%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	36.1	-13.0%	38.3	47.0
4	VGC	06/04/2018	25.2	21.5	-14.7%	23.2	32.5
Trung bình					0.8%		
Nguồn: BSC Research							

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	114.7	-2.8%	0.6	1,632	3.3	7,866	14.6	5.1	49.0%	42.1%	
PNJ	Bán lẻ	90.3	-6.9%	0.8	645	3.8	4,872	18.5	4.6	49.0%	32.8%	
BVH	Bảo hiểm	81.7	-1.9%	1.4	2,523	0.2	2,371	34.5	3.9	25.3%	11.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.0	-2.4%	0.8	295	0.5	2,363	12.3	1.0	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	107.5	3.9%	1.2	15,115	5.6	1,932	55.7	9.7	8.6%	16.3%	
VRE	Bất động sản	38.1	-4.0%	1.1	3,191	1.3	791	48.2	2.8	32.0%	5.7%	
NVL	Bất động sản	50.7	0.2%	0.8	2,027	3.6	2,534	20.0	3.3	9.8%	18.7%	
REE	Bất động sản	31.3	-1.6%	1.1	428	0.6	4,605	6.8	1.2	49.0%	19.2%	
DXG	Bất động sản	26.8	-5.3%	1.3	404	5.7	2,690	10.0	2.2	42.0%	24.6%	
SSI	Chứng khoán	28.5	-4.0%	1.4	628	7.3	2,602	11.0	1.6	55.2%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	82.0	-3.0%	1.0	433	0.3	5,790	14.2	3.3	40.6%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	59.6	-3.9%	1.2	340	0.9	6,048	9.9	2.5	59.7%	28.3%	
FPT	Công nghệ	42.5	-4.1%	0.8	1,149	2.2	4,964	8.6	2.2	49.0%	27.7%	
FOX	Công nghệ	51.0	-5.6%	0.3	508	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	87.3	-1.0%	1.4	7,361	1.7	5,149	17.0	3.8	3.4%	23.9%	
PLX	Dầu khí	59.0	-1.3%	1.5	3,012	1.1	2,920	20.2	3.2	10.8%	16.0%	
PVS	Dầu khí	17.4	-1.7%	1.7	342	2.7	1,786	9.7	0.7	17.9%	7.5%	
BSR	Dầu khí	17.8	-1.1%	0.8	2,431	1.0	#N/A	N/A	#N/A	N/A	53.6%	23.0%
DHG	Dược	102.0	-1.4%	0.5	587	1.2	4,344	23.5	4.8	47.0%	19.5%	
DPM	Hóa chất	17.1	-1.2%	1.0	295	0.9	1,426	12.0	0.8	20.2%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.7	-0.9%	0.6	250	0.1	1,024	10.5	0.9	4.1%	8.7%	
VCB	Ngân hàng	57.9	-0.2%	1.5	9,177	5.4	2,888	20.1	3.7	20.5%	19.6%	
BID	Ngân hàng	25.9	-3.4%	1.6	3,901	4.4	2,030	12.8	1.9	2.4%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	24.3	-2.8%	1.5	3,986	6.0	2,103	11.6	1.4	30.0%	12.6%	
VPB	Ngân hàng	29.5	3.1%	1.1	3,149	7.0	2,663	11.1	2.5	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	26.5	-2.9%	1.1	2,119	6.5	2,301	11.5	1.6	20.0%	15.2%	
ACB	Ngân hàng	36.1	-3.7%	1.0	1,725	8.2	2,568	14.1	2.3	30.0%	17.5%	
BMP	Nhựa	59.5	-0.2%	0.9	215	1.8	5,511	10.8	1.9	73.3%	18.3%	
NTP	Nhựa	46.0	-3.2%	0.4	181	0.0	4,922	9.3	1.9	23.0%	21.7%	
MSR	Tài nguyên	22.8	1.3%	1.3	723	0.0	286	79.7	1.4	2.1%	1.0%	
HPG	Thép	38.9	-1.6%	0.9	3,635	7.4	3,975	9.8	2.4	38.9%	29.8%	
HSG	Thép	12.1	-4.0%	1.3	205	0.9	2,330	5.2	0.8	21.3%	17.7%	
VNM	Tiêu dùng	170.0	-2.9%	0.6	10,868	5.6	6,234	27.3	9.6	59.5%	35.8%	
SAB	Tiêu dùng	219.4	-1.5%	0.8	6,198	0.4	7,227	30.4	9.7	9.7%	34.8%	
MSN	Tiêu dùng	79.0	-2.5%	1.1	3,665	2.8	3,448	22.9	5.6	29.1%	24.3%	
SBT	Tiêu dùng	16.0	2.6%	0.9	349	1.9	1,115	14.3	1.3	7.3%	7.4%	
ACV	Vận tải	92.0	-0.5%	0.8	8,824	1.0	1,883	48.9	7.3	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	166.1	-2.6%	1.1	3,303	3.5	11,356	14.6	7.1	24.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	33.4	-0.6%	1.7	1,837	0.4	1,727	19.3	2.7	9.1%	14.6%	
GMD	Vận tải	25.5	-0.8%	0.9	324	0.2	5,793	4.4	1.3	20.4%	29.8%	
PVT	Vận tải	15.2	-2.6%	0.8	188	0.1	1,670	9.1	1.1	33.4%	12.6%	
VCS	Vật liệu xây dựng	82.0	-3.5%	1.0	578	0.4	6,408	12.8	5.5	2.5%	57.9%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.5	-9.7%	0.8	425	5.5	1,354	15.9	1.5	23.8%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	11.7	-2.5%	0.8	196	0.1	1,207	9.6	0.8	6.0%	8.7%	
CTD	Xây dựng	151.0	-3.2%	0.7	521	1.0	20,255	7.5	1.5	41.6%	22.0%	
VCG	Xây dựng	16.7	-0.6%	1.5	325	0.3	2,887	5.8	1.1	10.4%	20.4%	
CII	Xây dựng	25.0	-4.8%	0.6	271	1.0	1,208	20.7	1.2	57.2%	6.1%	
POW	Điện	13.1	-0.8%	0.5	1,351	0.4	1,026	12.8	1.1	65.3%	9.1%	
NT2	Điện	29.3	-1.2%	0.7	372	0.2	2,646	11.1	1.6	20.8%	14.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	125.20	1.29	1.36	1.18MLN
YEG	321.00	7.00	0.19	16860.00
GAS	90.20	0.22	0.12	759500.00
KDC	34.40	2.38	0.07	45170.00
EIB	14.45	0.70	0.04	38030.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	110.00	-4.35	-4.31	305740.00
VCB	58.00	-2.19	-1.50	2.60MLN
CTG	25.00	-3.85	-1.20	2.30MLN
BID	26.80	-3.60	-1.10	1.93MLN
HPG	39.50	-3.89	-0.78	3.37MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	321.00	7.00	0.19	16860.00
TEG	6.88	7.00	0.00	30.00
ATG	2.00	6.95	0.00	156360.00
CIG	3.24	6.93	0.00	135540.00
HRC	34.80	6.91	0.02	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STT	5.98	-7.00	0.00	10.00
SZL	33.45	-6.95	-0.02	4550.00
SVT	6.03	-6.94	0.00	90.00
FCM	6.05	-6.92	-0.01	41290.00
DTT	15.55	-6.89	0.00	40.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	23.80	5.78	0.15	4.11MLN
PVS	17.70	1.72	0.07	7.85MLN
PTI	21.70	8.50	0.04	17500.00
DBC	21.60	1.89	0.02	66200.00
VNT	32.50	9.80	0.02	159500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	37.50	-3.10	-1.01	2.69MLN
SHB	8.50	-1.16	-0.11	3.18MLN
SHN	9.90	-4.81	-0.06	163000.00
DNP	24.20	-5.10	-0.03	302900.00
SHS	14.00	-2.10	-0.03	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

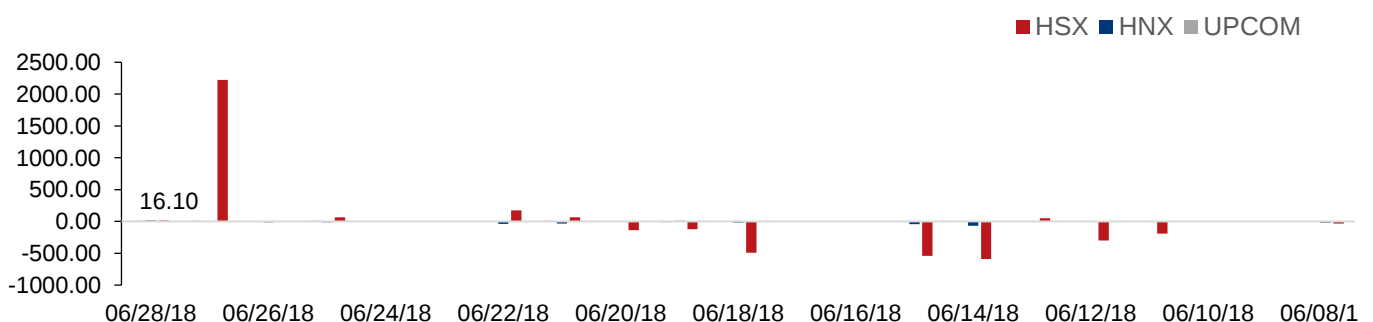
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AME	15.40	10.00	0.01	300.00
DS3	8.80	10.00	0.01	691200.00
ECI	12.10	10.00	0.00	100.00
VNT	32.50	9.80	0.02	159500.00
TV3	49.50	9.76	0.01	2600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	31.50	-10.00	-0.02	123300.00
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100.00
DID	4.60	-9.80	0.00	10100.00
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100.00
KMT	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.2	293	48.5	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	29.3	2,646	11.1	1.6	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.4	920	15.7	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	29.0	206	140.5	2.0	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	36.1	2,568	14.1	2.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	34.5	5,102	6.8	1.1	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	18.3	930	19.7	1.5	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	15.2	1,670	9.1	1.1	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	38.9	3,975	9.8	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	26.8	2,690	10.0	2.2	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	10.4	2,478	4.2	0.8	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	32.4	5,535	5.9	1.8	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.5	4,964	8.6	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	57.9	2,888	20.1	3.7	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	17.4	1,786	9.7	0.7	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	26.5	2,301	11.5	1.6	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	151.0	20,255	7.5	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.0	160	31.3	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	102.0	18,721	5.4	1.5	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	90.3	4,872	18.5	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cần trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

